

Số: 01/TTr-NCS-HĐQT

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài

Hội đồng quản trị Công ty xin kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán với các nội dung chính như sau:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh:

- Tổng doanh thu : 735.078.608.822 đồng
- Giảm trừ doanh thu : 26.776.552.303 đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 67.608.547.724 đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 54.769.101.590 đồng

2. Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty đã được lập theo đúng chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY thực hiện kiểm toán và đã được đăng tải trên Website của Công ty, đồng thời công bố thông tin theo đúng quy định.

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Ngô Hồng Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024

Tháng 2 năm 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 – 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 – 37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Ngô Hồng Minh	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Hùng Cường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/04/2024
Ông Trần Việt Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/04/2024
Bà Nguyễn Đức Hạnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24/04/2024

Ban Kiểm soát

Ông Lê Hoàng Chính	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 24/04/2024
Bà Đỗ Thị Minh Lý	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 24/04/2024
Ông Nguyễn Thế Thạch	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/04/2024
Ông Vũ Mạnh Phú	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24/04/2024
Bà Phan Thị Thúy Quyên	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Văn Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Xuân Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Khánh Linh	Kế toán trưởng

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng: không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính kèm theo.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ẨM HÀNG KHÔNG NỘI BÀI

Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.



Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Nguyễn Văn Dũng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 2 năm 2025

Số: 109/2025/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 24 tháng 02 năm 2025, từ trang 06 đến trang 37 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phạm Gia Đạt

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0798-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Phạm Thị Thảo

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2465-2023-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		161.154.139.650	133.028.424.682
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	13.483.353.480	13.180.617.232
Tiền	111		13.483.353.480	13.180.617.232
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	53.000.000.000	3.500.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		53.000.000.000	3.500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		78.476.084.904	100.843.125.717
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	74.679.735.010	100.805.283.349
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	2.840.287.621	218.650.855
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2.159.747.226	1.022.876.466
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.203.684.953)	(1.203.684.953)
Hàng tồn kho	140		15.422.810.278	13.659.301.102
Hàng tồn kho	141	10	15.422.810.278	13.659.301.102
Tài sản ngắn hạn khác	150		771.890.988	1.845.380.631
Thuế GTGT được khấu trừ	152	15	771.890.988	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	1.845.380.631
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		310.849.716.759	330.189.960.930
Các khoản phải thu dài hạn	210		561.078.800	721.078.800
Phải thu dài hạn khác	216	8	1.372.878.800	1.532.878.800
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	9	(811.800.000)	(811.800.000)
Tài sản cố định	220		299.688.356.071	327.752.128.593
Tài sản cố định hữu hình	221	11	299.688.356.071	327.752.128.593
- Nguyên giá	222		566.060.443.729	564.976.261.911
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(266.372.087.658)	(237.224.133.318)
Tài sản cố định vô hình	227	12	-	-
- Nguyên giá	228		4.748.831.818	4.748.831.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.748.831.818)	(4.748.831.818)
Tài sản dài hạn khác	260		10.600.281.888	1.716.753.537
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	10.600.281.888	1.716.753.537
TỔNG TÀI SẢN	270		472.003.856.409	463.218.385.612

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		289.509.813.012	335.493.443.805
Nợ ngắn hạn	310		231.597.780.209	216.981.411.002
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	74.935.787.763	61.089.610.500
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		58.279.950	10.253.581
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	10.276.508.846	1.203.440.961
Phải trả người lao động	314		53.662.533.865	31.774.485.138
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	2.107.016.374	1.907.204.911
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	533.317.447	308.159.256
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	89.753.937.994	120.156.238.685
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		270.397.970	532.017.970
Nợ dài hạn	330		57.912.032.803	118.512.032.803
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	57.912.032.803	118.512.032.803
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		182.494.043.397	127.724.941.807
Vốn chủ sở hữu	410	19	182.494.043.397	127.724.941.807
Vốn góp của chủ sở hữu	411		179.490.980.000	179.490.980.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		179.490.980.000	179.490.980.000
Cổ phiếu quỹ	415		(8.880.000)	(8.880.000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.011.943.397	(51.757.158.193)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(51.757.158.193)	(97.940.671.487)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		54.769.101.590	46.183.513.294
TỔNG NGUỒN VỐN	440		472.003.856.409	463.218.385.612

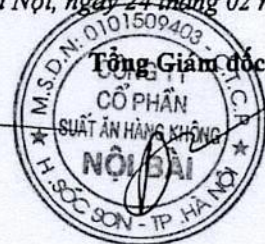
Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Vũ Thị Thu Hà

Kế toán trưởng

Chu Khánh Linh



Nguyễn Văn Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	758.843.118.026	633.855.855.584
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	26.776.552.303	20.141.974.497
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		732.066.565.723	613.713.881.087
Giá vốn hàng bán	11	23	615.109.381.060	510.394.751.918
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		116.957.184.663	103.319.129.169
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	2.798.925.788	3.984.352.409
Chi phí tài chính	22	25	12.367.509.534	24.669.000.541
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.077.550.507	24.550.860.451
Chi phí bán hàng	25	26	13.881.294.686	14.879.736.267
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	26.072.465.114	21.803.328.550
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		67.434.841.117	45.951.416.220
Thu nhập khác	31	27	213.117.311	239.334.625
Chi phí khác	32		39.410.704	7.237.551
Lợi nhuận khác	40		173.706.607	232.097.074
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		67.608.547.724	46.183.513.294
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	12.839.446.134	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		54.769.101.590	46.183.513.294
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	3.052	2.573
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		3.052	2.573

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Vũ Thị Thu Hà

Kế toán trưởng

Chu Khánh Linh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		67.608.547.724	46.183.513.294
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		29.147.954.340	29.569.688.076
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(27.575.008)	50.678.223
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(1.180.370.887)	(2.528.668.545)
Chi phí lãi vay	06		12.077.550.507	24.550.860.451
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		107.626.106.676	97.826.071.499
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		24.565.861.963	(32.360.556.782)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.763.509.176)	(1.002.678.350)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		33.877.299.428	22.044.938.566
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(8.883.528.351)	1.277.049.050
Tiền lãi vay đã trả	14		(12.230.779.159)	(31.187.399.151)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.544.847.012)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		141.646.604.369	56.597.424.832
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.084.181.818)	-
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	45.904.909
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(53.000.000.000)	(43.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.500.000.000	70.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		215.039.380	2.303.626.990
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(50.369.142.438)	28.849.531.899
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		515.841.739.555	374.222.432.809
Tiền trả nợ gốc vay	34		(606.844.040.246)	(459.287.452.734)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(26.922.315.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(91.002.300.691)	(111.987.334.925)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		275.161.240	(26.540.378.194)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	13.180.617.232	39.771.673.649
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		27.575.008	(50.678.223)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	13.483.353.480	13.180.617.232

Người lập biểu

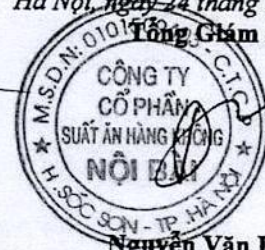
Vũ Thị Thu Hà

Kế toán trưởng

Chu Khánh Linh

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Dũng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài, (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0101509403 ngày 07/07/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 22 vào ngày 08/07/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Ngày 16/06/2010, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 134/2010/GCNCP-VSD. Theo đó, Công ty đã đăng ký chứng khoán và được cấp mã Chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam kể từ ngày 16/06/2010.

- Tên chứng khoán: Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài;
- Mã chứng khoán: NCS;
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu (Mười nghìn đồng);
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông;
- Số lượng cổ phiếu đăng ký: 17.949.098 cổ phiếu (Mười bảy triệu, chín trăm bốn mươi chín nghìn không trăm chín mươi tám cổ phiếu);
- Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký: 179.490.980.000 đồng (Một trăm bảy mươi chín tỷ, bốn trăm chín mươi triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng).

Ngày 12/11/2015, Công ty chính thức giao dịch chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là NCS theo Quyết định số 749/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tổng số người lao động của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 753 người (tại ngày 31/12/2023 là 742 người).

Trụ sở Công ty tại: Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực chế biến thực phẩm.

1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là:

- Chế biến suất ăn phục vụ: Hành khách của hàng không, các chuyến bay chuyên cơ;
- Dịch vụ ăn uống khác: Cung cấp suất ăn và dịch vụ cho khách hàng trong và ngoài ngành hàng không. Cung cấp dịch liên quan đến quá trình sản xuất, cung ứng suất ăn;
- Buôn bán đồ uống: bán buôn đồ uống có cồn và bán buôn đồ uống không có cồn;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp để chế biến suất ăn;
- Sản xuất các loại bánh từ bột.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán.

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2023.

Giả định hoạt động liên tục

Tại ngày 31/12/2024 số dư Tài sản ngắn hạn của Công ty (Mã số 100) thấp hơn số dư Nợ ngắn hạn (Mã số 310) số tiền (67.617.416.482) đồng. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá việc này không ảnh hưởng tới khả năng thanh toán và hoạt động liên tục của Công ty vì những lý do sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Giả định hoạt động liên tục (tiếp)

- Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty dần hồi phục và phát triển qua các năm, cụ thể, Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 118,3 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế năm 2024 đạt 54,77 tỷ đồng, tăng 18,6% so với năm 2023. Bên cạnh đó, Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2024 tiếp tục dương 140 tỷ đồng (năm 2023 là 56,6 tỷ đồng).
- Trong năm 2025, dựa trên tình hình lịch bay của các hãng, Công ty đã xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh với mức doanh thu và lợi nhuận dự kiến cao hơn năm 2024. Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2025 dự kiến đạt 63,18 tỷ đồng.
- Trong năm 2024, các khoản nợ đến hạn đều được Công ty thanh toán đúng hạn, các khoản nợ tín dụng đều được Công ty tuân thủ đúng thời hạn thanh toán. Công ty không phát sinh các khoản nợ phải trả quá thời hạn thanh toán;

Trên cơ sở đó, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng việc Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là hoàn toàn phù hợp.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU (TIẾP)

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được xác định tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính và được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

3.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn tùy theo kỳ hạn gốc. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10

3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Các tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá mua phần mềm mới không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa và hạch toán vào tài sản cố định vô hình. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao từ 03 đến 05 năm.

3.10 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.11 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu, các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

3.12 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

3.13 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ.

3.14 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán và lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ.

3.15 CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; Tiền thuê đất, thuê môn bài; Khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; Dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); Chi phí bằng tiền khác.

3.16 NGOẠI TỆ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.16 NGOẠI TỆ (TIẾP)

Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.

Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

3.17 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

3.18 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.18 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả cho năm hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.19 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU, LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ thưởng Ban điều hành và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.20 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI
Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.483.353.480	13.180.617.232
Cộng	13.483.353.480	13.180.617.232

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	53.000.000.000	53.000.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (i)	-	-	3.500.000.000	3.500.000.000
Ngân hàng TMCP Lộc phát Việt Nam (i)	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (i)	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (i)	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (i)	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
Cộng	53.000.000.000	53.000.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000

(i) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 4,2 – 5,8%/năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGÁN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam-CTCP	31.573.886.656	-	67.336.224.537	-
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam	4.760.700.050	-	4.035.544.558	-
- Công ty TNHH Green Biomix	3.628.503.574	-	1.949.996.196	-
- Korean Air	3.561.054.174	-	2.740.508.881	-
- Cathay Pacific Airways	2.982.304.212	-	1.088.735.763	-
- Công ty Cổ phần Vinschool	2.818.991.704	-	2.015.553.258	-
- Emirates	2.741.834.478	-	5.949.637.791	-
- Starlux Airlines	2.689.903.376	-	-	-
- China Airlines Limited	1.761.582.536	-	1.251.084.984	-
- Japan Airlines	1.378.597.027	-	1.618.348.740	-
- Công ty Cổ phần Hàng không Đông Dương	1.203.684.953	(1.203.684.953)	1.203.684.953	(1.203.684.953)
- Asiana Airlines	865.917.994	-	1.553.165.470	-
- Các khách hàng khác	14.712.774.276	-	10.062.798.218	-
Cộng	74.679.735.010	(1.203.684.953)	100.805.283.349	(1.203.684.953)
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 31	37.626.037.697	-	72.845.544.721	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty TNHH Thương mại Thiên Linh	956.553.500	-	-	-
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Công nghệ Môi trường	741.805.200	-	-	-
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam-CTCP	306.588.733	-	-	-
- Công ty TNHH Kỹ thuật Thiết bị ATTSTV	248.405.400	-	-	-
- Công ty TNHH Thực phẩm Gia Bách	188.984.146	-	-	-
- Công ty TNHH Nguyễn Hồng	134.784.000	-	-	-
- Công ty TNHH Thành Công	-	-	73.080.609	-
- Các khách hàng khác	263.166.642	-	145.570.246	-
Cộng	2.840.287.621	-	218.650.855	-
Trả trước cho người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 31	306.588.733	-	-	-

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	2.159.747.226	-	1.022.876.466	-
- Tạm ứng	671.955.185	-	534.806.958	-
- Lãi tiền gửi dự thu	1.027.660.274	-	62.328.767	-
- Phải thu khác	460.131.767	-	425.740.741	-
b) Dài hạn	1.372.878.800	(811.800.000)	1.532.878.800	(811.800.000)
- Ông Nguyễn Quốc Khánh	983.600.000	(811.800.000)	1.143.600.000	(811.800.000)
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	389.278.800	-	389.278.800	-
Cộng	3.532.626.026	(811.800.000)	2.555.755.266	(811.800.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. NỢ XẤU

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán						
- Công ty Cổ phần Hàng không Đông Dương (*)	1.203.684.953	-	(1.203.684.953)	1.203.684.953	-	(1.203.684.953)
- Ông Nguyễn Quốc Khánh (**)	1.143.600.000	331.800.000	(811.800.000)	1.303.600.000	491.800.000	(811.800.000)
Cộng	2.347.284.953	331.800.000	(2.015.484.953)	2.507.284.953	491.800.000	(2.015.484.953)

(*) Đây là khoản phải thu đã quá hạn trên 5 năm, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá không có khả năng thu hồi và đã thực hiện trích lập dự phòng 100% các năm trước.

(**) Theo hợp đồng đặt cọc 25/HĐĐC-NCS ngày 15/04/2019 với ông Nguyễn Quốc Khánh về việc thuê mặt bằng, số tiền đặt cọc ban đầu là 1.623.600.000 đồng sẽ được hoàn lại trong vòng 10 năm, mỗi năm thanh toán 160.000.000 VND trước ngày 31/12 hàng năm; Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc công ty, vẫn còn tồn tại các rủi ro trong khoản phải thu của đối tượng trên do thời gian phải thu dài, ảnh hưởng của lạm phát,... nên đã trích lập dự phòng tổn thất với tỷ lệ 50% trên số dư nợ gốc ban đầu khoản phải thu trên.

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	11.844.805.684	-	11.922.428.680	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.578.004.594	-	1.736.872.422	-
Cộng	15.422.810.278	-	13.659.301.102	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật, kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2024	184.803.727.721	231.512.708.769	105.606.074.950	43.053.750.471	564.976.261.911
- Mua trong năm	-	1.084.181.818	-	-	1.084.181.818
31/12/2024	184.803.727.721	232.596.890.587	105.606.074.950	43.053.750.471	566.060.443.729
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2024	(20.242.064.798)	(102.333.719.489)	(78.057.486.462)	(36.590.862.569)	(237.224.133.318)
- Khấu hao trong năm	(3.696.074.556)	(14.961.944.938)	(6.856.991.617)	(3.632.943.229)	(29.147.954.340)
31/12/2024	(23.938.139.354)	(117.295.664.427)	(84.914.478.079)	(40.223.805.798)	(266.372.087.658)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2024	164.561.662.923	129.178.989.280	27.548.588.488	6.462.887.902	327.752.128.593
31/12/2024	160.865.588.367	115.301.226.160	20.691.596.871	2.829.944.673	299.688.356.071

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2024, nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn được sử dụng là 67.570.367.498 VND (tại ngày 01/01/2024 là 65.132.835.729 VND).

Tại ngày 31/12/2024, tài sản công ty được thế chấp được trình bày tại Thuyết minh 18 “Vay nợ và thuê tài chính” bao gồm:

- Toàn bộ máy móc thiết bị hình thành trong tương lai của “Cơ sở chế biến suất ăn hàng không Nội Bài” và quyền tài sản, lợi ích phát sinh, các khoản bảo hiểm, lợi thế thương mại và các khoản thanh toán phát sinh từ “Cơ sở chế biến suất ăn hàng không Nội Bài” đã được thế chấp theo hợp đồng tín dụng số 68/2017/HĐCVĐATL/NHCT1444-NCS ngày 13/06/2017 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Anh.

12. TÀI SẢN VÔ HÌNH

Là các phần mềm, có tổng nguyên giá tại ngày 31/12/2024 là 4.748.831.818 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 4.748.831.818 đồng) đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
- Công cụ dụng cụ	3.156.172.342	915.843.637
- Sửa chữa thường xuyên, chi phí khác	7.444.109.546	800.909.900
Cộng	10.600.281.888	1.716.753.537

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Thiên Sơn	7.645.724.694	7.645.724.694	4.896.740.587	4.896.740.587
- Công ty TNHH Thương mại & Đầu tư Phát triển Trí Đức	3.096.720.000	3.096.720.000	2.566.192.000	2.566.192.000
- Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập Khẩu Nhất Lâm	5.705.700.881	5.705.700.881	4.196.578.023	4.196.578.023
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phú Đức	4.052.614.050	4.052.614.050	3.364.889.230	3.364.889.230
- Công ty TNHH Thương mại Dương Quang	3.228.564.200	3.228.564.200	2.701.549.584	2.701.549.584
- Công ty TNHH Aden Services Việt Nam- CN Hà Nội	2.514.103.835	2.514.103.835	2.623.630.424	2.623.630.424
- Công ty TNHH Thực phẩm Cao cấp	2.053.700.944	2.053.700.944	1.712.471.920	1.712.471.920
- Công ty TNHH Việt Trang	2.060.752.500	2.060.752.500	1.653.590.400	1.653.590.400
- Công ty Cổ phần Xuất nhập Khẩu EUFOOD Việt Nam	1.896.707.364	1.896.707.364	1.851.949.608	1.851.949.608
- Công ty Cổ phần Thực phẩm NIPPONHAM Việt Nam	2.115.776.009	2.115.776.009	1.809.137.442	1.809.137.442
- Các nhà cung cấp khác	40.565.423.286	40.565.423.286	33.712.881.282	33.712.881.282
Cộng	74.935.787.763	74.935.787.763	61.089.610.500	61.089.610.500
Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 31	544.815.458	544.815.458	516.225.677	516.225.677

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/ khấu trừ trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	365.169.184	18.775.775.968	19.140.945.152	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	10.994.065.503	1.544.847.012	9.449.218.491
- Thuế thu nhập cá nhân	838.271.777	1.887.640.759	1.898.622.181	827.290.355
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.056.104.426	1.056.104.426	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	13.562.125	13.562.125	-
	1.203.440.961	32.727.148.781	23.654.080.896	10.276.508.846
	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.845.380.631	1.845.380.631	-	-
	1.845.380.631	1.845.380.631	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Chi phí lãi vay phải trả	105.032.877	258.261.529
- Chi phí phải trả bán trà sữa	1.110.484.710	1.006.339.101
- Chi phí điện sản xuất	798.325.600	-
- Các khoản trích trước khác	93.173.187	642.604.281
Cộng	2.107.016.374	1.907.204.911

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	46.853.720	49.667.870
- Kinh phí công đoàn	209.141.291	2.217.158
- Bảo hiểm y tế	49.298.341	50.099.422
- Bảo hiểm thất nghiệp	43.544.095	43.934.806
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	184.480.000	162.240.000
Cộng	533.317.447	308.159.256

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI

Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	120.156.238.685	120.156.238.685	576.441.739.555	606.844.040.246	89.753.937.994	89.753.937.994
Vay ngắn hạn	79.756.238.685	79.756.238.685	515.841.739.555	546.244.040.246	49.353.937.994	49.353.937.994
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (**)	29.771.660.069	29.771.660.069	457.289.917.128	453.618.841.075	33.442.736.122	33.442.736.122
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	14.993.457.918	14.993.457.918	12.728.855.723	27.722.313.641	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	34.991.120.698	34.991.120.698	-	34.991.120.698	-	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (***)	-	-	45.822.966.704	29.911.764.832	15.911.201.872	15.911.201.872
Vay dài hạn	40.400.000.000	40.400.000.000	60.600.000.000	60.600.000.000	40.400.000.000	40.400.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	40.400.000.000	40.400.000.000	60.600.000.000	60.600.000.000	40.400.000.000	40.400.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (*)	40.400.000.000	40.400.000.000	60.600.000.000	60.600.000.000	40.400.000.000	40.400.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	118.512.032.803	118.512.032.803	-	60.600.000.000	57.912.032.803	57.912.032.803
Vay dài hạn	118.512.032.803	118.512.032.803	-	60.600.000.000	57.912.032.803	57.912.032.803
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (*)	118.512.032.803	118.512.032.803	-	60.600.000.000	57.912.032.803	57.912.032.803
Cộng	238.668.271.488	238.668.271.488	576.441.739.555	667.444.040.246	147.665.970.797	147.665.970.797

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. VAY NỢ VÀ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(*) Hợp đồng tín dụng số 68/2017/HĐCVDADTL/NHCT144-NCS ngày 13/6/2017 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Anh và các phụ lục điều chỉnh với hạn mức 330.000.000.000 VND, thời hạn vay tối đa là 120 tháng.

Lãi suất của hợp đồng:

- Lãi suất 7,5%/năm được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Sau 12 tháng lãi suất được áp dụng là lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 1,8%/năm;
- Lãi vay được thanh toán 3 tháng/lần, kỳ thanh toán lãi đầu tiên là ngày 25/9/2017.

Tài sản thế chấp:

- Máy móc thiết bị hình thành từ dự án đầu tư theo hợp đồng thế chấp số 27/2017-HĐTCMMTB/NHCCT144-NCS ngày 12/6/2017 với giá trị tạm tính 261.640.751.959 VND;
- Quyền tài sản, lợi ích phát sinh, các khoản bảo hiểm, lợi thế thương mại và các khoản thanh toán khác phát sinh từ Dự án đầu tư “Cơ sở chế biến suất ăn hàng không Nội Bài – Giai đoạn I” theo hợp đồng thế chấp số 28/2017-HĐTCMMTB/NHCCT144-NCS ngày 12/6/2017 với giá trị tạm tính là 477.349.160.000 VND.

Thời gian ân hạn gốc của khoản vay được xác định là 24 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên.

Trong vòng năm (05) ngày làm việc sau “ngày cuối cùng của Thời gian Ân hạn”, bên cho vay sẽ lập và thông báo lịch trả nợ gốc xác định số dư nợ gốc phải thanh toán từng kỳ. Nợ gốc sẽ được thanh toán trong ba mươi hai (32) kỳ liên tiếp trên cơ sở kỳ hạn 03 tháng vào ngày trùng với ngày thanh toán lãi tương ứng.

(**) Hợp đồng hạn mức tín dụng số 21/2024/HĐCVHM/NHCT144-NCS ký ngày 06/08/2024 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Anh, với hạn mức tín dụng 70.000.000.000 đồng, thời gian duy trì hạn mức: tối đa 12 tháng, lãi suất cho vay: theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động.

(***) Hợp đồng tín dụng số 2802LAV2024 ký tháng 05 năm 2024 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, với hạn mức tín dụng 40.000.000.000 đồng, thời gian duy trì hạn mức: tối đa 12 tháng, lãi suất cho vay: theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
01/01/2023	179.490.980.000	(8.880.000)	(97.940.671.487)	81.541.428.513
- Lãi trong năm	-	-	46.183.513.294	5.303.895.309
31/12/2023	179.490.980.000	(8.880.000)	(51.757.158.193)	127.724.941.807
01/01/2024	179.490.980.000	(8.880.000)	(51.757.158.193)	127.724.941.807
- Lãi trong năm	-	-	54.769.101.590	54.769.101.590
31/12/2024	179.490.980.000	(8.880.000)	3.011.943.397	182.494.043.397

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2024 VND	Tỷ lệ %	01/01/2024 VND	Tỷ lệ %
- Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	108.006.070.000	60,17%	108.006.070.000	60,17%
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất	18.001.000.000	10,03%	18.001.000.000	10,03%
- Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam	3.060.150.000	1,70%	3.060.150.000	1,70%
- Cổ đông khác	50.423.760.000	28,09%	50.423.760.000	28,09%
Cộng	179.490.980.000	100,00%	179.490.980.000	100,00%

c. Cổ phiếu

	31/12/2024 CP	01/01/2024 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.970.057	17.970.057
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.949.098	17.949.098
+ Cổ phiếu phổ thông	17.949.098	17.949.098
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	888	888
+ Cổ phiếu phổ thông	888	888
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.948.210	17.948.210
+ Cổ phiếu phổ thông	17.948.210	17.948.210
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2024	01/01/2024
Ngoại tệ các loại:		
- Dollar Mỹ (USD)	18.678,98	142.155,90

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
a) Doanh thu	758.843.118.026	633.855.855.584
- Doanh thu cung cấp suất ăn	636.987.049.378	525.008.775.888
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	121.544.364.648	108.585.364.696
- Doanh thu cung cấp dịch vụ và kinh doanh khác	311.704.000	261.715.000
Cộng	758.843.118.026	633.855.855.584
b) Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 31	452.596.986.045	393.823.900.584

22. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	26.776.552.303	20.141.974.497
+ Chiết khấu thương mại	26.776.552.303	20.141.974.497
Cộng	26.776.552.303	20.141.974.497

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Giá vốn cung cấp suất ăn	496.781.657.081	408.356.184.760
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	118.327.723.979	102.038.567.158
Cộng	615.109.381.060	510.394.751.918

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Lãi tiền gửi ngân hàng	1.180.370.887	2.482.763.636
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.590.979.893	1.501.588.773
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	27.575.008	-
Cộng	2.798.925.788	3.984.352.409

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí lãi vay	12.077.550.507	24.550.860.451
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	137.939.639	6.619.568
- Chiết khấu thanh toán	152.019.388	59.745.307
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	-	51.775.215
Cộng	12.367.509.534	24.669.000.541

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	26.072.465.114	21.803.328.550
- Chi phí nhân viên quản lý	15.998.398.142	12.648.718.133
- Chi phí đồ dùng văn phòng	391.581.814	573.159.817
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	2.402.698.933	2.639.980.755
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	198.668.658	184.036.377
- Chi phí bằng tiền khác	7.081.117.567	5.757.433.468
b) Các khoản chi phí bán hàng	13.881.294.686	14.879.736.267
- Chi phí chăm sóc khách hàng, chế thử, chào hàng	10.638.194.686	12.370.016.267
- Phí nhượng quyền khai thác	3.243.100.000	2.509.720.000
Cộng	39.953.759.800	36.683.064.817

27. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	45.904.909
- Các khoản khác	213.117.311	193.429.716
	213.117.311	239.334.625

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	304.343.296.939	253.533.892.532
- Chi phí nhân công	194.117.179.087	154.085.823.567
- Khấu hao tài sản cố định	29.147.954.340	29.569.688.076
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.353.638.970	42.576.641.518
- Chi phí bằng tiền khác	77.101.071.524	67.360.146.042
	655.063.140.860	547.126.191.735

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	67.608.547.724	46.183.513.294
Các khoản chi phí không được khấu trừ	10.280.532.251	1.092.225.755
- Các khoản chi phí không được trừ	10.280.532.251	1.092.225.755
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	77.889.079.975	47.275.739.049
Chuyển lỗ	(13.691.849.308)	(11.547.923.136)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	12.839.446.134	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	12.839.446.134	-

Chuyển lỗ

Năm phát sinh	Chuyển lỗ đến năm	Tình trạng kiểm tra thuế	Lỗ tính thuế	Chưa sử dụng đến ngày 01/01/2024	Chuyển lỗ trong năm 2024	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2024
			VND		VND	VND
2021	2026	Chưa QT	(51.263.328.132)	(13.691.849.308)	13.691.849.308	-
Cộng lỗ tính thuế			(51.263.328.132)	(13.691.849.308)	13.691.849.308	-

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu/lãi suy giảm trên cổ phiếu	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	54.769.101.590	46.183.513.294
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm (CP)	17.948.210	17.948.210
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) (VND/CP)	3.052	2.573

31. THÔNG TIN KHÁC

31.1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

STT	Tên	Mối quan hệ
1	Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP	Công ty mẹ
2	Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam	Cùng Tập đoàn
3	Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines	Cùng Tập đoàn
4	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn
5	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam	Cùng Tập đoàn
6	Công ty Bay Dịch vụ Hàng không Vasco	Cùng Tập đoàn
7	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	Cùng Tập đoàn
8	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài	Cùng Tập đoàn
9	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất	Cùng Tập đoàn
10	Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa Nasco	Cùng Tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI
Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

31.1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

STT	Tên	Mối quan hệ
11	Công ty Cổ phần Sarbe Việt Nam	Cùng Tập đoàn
12	Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay	Cùng Tập đoàn
13	Công ty Cổ phần Cung ứng Xuất nhập khẩu Lao động Hàng không	Cùng Tập đoàn
14	Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam	Cùng Tập đoàn
15	Trung tâm Bông sen vàng	Cùng Tập đoàn
16	Công ty Cổ phần Tin học viễn thông Hàng không	Cùng Tập đoàn
17	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	Cùng Tập đoàn

31.2. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	452.596.986.045	393.823.900.584
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam-CTCP	438.243.942.814	383.017.280.701
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam-CTCP-Khác	1.004.747.392	951.895.973
- Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam	1.365.550.000	1.885.325.884
- Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines		
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	167.930.854	241.017.982
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam	7.248.240.393	7.132.116.184
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài - Nasco	218.361.255	510.337.958
- Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt	1.063.879.534	85.925.902
- Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay	3.284.333.803	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	3.665.578.113	3.246.471.422
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài	2.409.294.476	2.365.942.191
- Công ty Cổ phần Giao nhận hàng hóa Nasco	308.655.854	192.791.645
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam	772.855.680	687.737.586
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	174.772.103	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

31.3. SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	37.626.037.697	72.845.544.721
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam-CTCP	31.573.886.656	67.336.224.537
- Tổng công ty Hàng không Việt Nam-CTCP-Khác	232.829.227	696.873.300
- Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam	981.180.000	655.154.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài	16.944.552	23.452.362
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Đà Nẵng	60.497.212	98.295.964
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam	4.760.700.050	4.035.544.558
Trả trước cho người bán ngắn hạn	306.588.733	-
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam-CTCP	306.588.733	-
	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn	544.815.458	516.225.677
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài	428.247.352	434.553.472
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam	83.720.824	63.336.168
- Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa Nasco	32.847.282	18.336.037

31.4. THU NHẬP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

	Chức vụ	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
Hội đồng Quản trị			
Ông Ngô Hồng Minh	Chủ tịch	172.800.000	109.440.000
Ông Nguyễn Văn Hùng Cường	Thành viên	138.240.000	92.160.000
Ông Trần Việt Hải	Thành viên	79.440.000	-
Bà Nguyễn Đức Hạnh	Thành viên	58.800.000	92.160.000
Ban Tổng Giám đốc			
Ông Nguyễn Văn Dũng	Tổng Giám đốc	987.055.939	897.660.000
Ông Phạm Xuân Thắng	Phó Tổng Giám đốc	804.739.927	556.700.000
Ông Chu Khánh Linh	Kế toán trưởng	732.129.133	616.837.500
Ban Kiểm soát			
Ông Lê Hoàng Chính	Trưởng ban	533.750.000	-
Bà Đỗ Thị Minh Lý	Trưởng ban	141.750.000	630.288.000
Ông Vũ Mạnh Phú	Thành viên	29.700.000	77.760.000
Ông Nguyễn Thế Thạch	Thành viên	73.980.000	-
Bà Phan Thị Thúy Quyên	Thành viên	885.540.400	702.564.585
		4.637.925.399	3.775.570.085

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI
Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

31.5. NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TANG

Không có khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

31.6. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không tại Sân bay Quốc tế Nội Bài. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số 21 và 23 phần thuyết minh báo cáo tài chính. Về mặt địa lý, Công ty bán hàng trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo các bộ phận theo lĩnh vực kinh và khu vực địa lý trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024 là phù hợp với các quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của công ty.

31.7. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Công ty không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024.

31.8. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán.

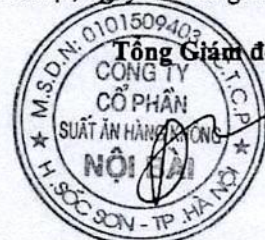
Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Vũ Thị Thu Hà

Kế toán trưởng

Chu Khánh Linh



Nguyễn Văn Dũng



TỜ TRÌNH

Về phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài

Hội đồng quản trị xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 như sau:

1. Lợi nhuận thực hiện:

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế : 67.608.547.724 đồng
- Thuế thu nhập doanh nghiệp : 12.839.446.134 đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 54.769.101.590 đồng
- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước : 51.757.158.193 đồng
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối : 3.011.943.397 đồng

2. Phương án phân phối:

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ hoạt động, Công ty kính trình Hội đồng quản trị phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 như sau:

TT	Phương án phân phối lợi nhuận	Số tiền (đồng)
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3.011.943.397
1	Các khoản trích	2.783.014.658
1.1	Quỹ Khen thưởng phúc lợi	2.403.014.658
1.2	Khen thưởng HĐQT, BKS, BDH	480.000.000
2	Lợi nhuận còn lại để chia cho cổ đông năm 2024	128.928.739
3	Lợi nhuận còn lại các năm trước	-
4	Lợi nhuận chia cổ tức	128.928.739
4.1	Vốn điều lệ	179.490.980.000
4.2	Tổng giá trị cổ phiếu không được chia cổ tức	8.880.000
4.3	Tổng giá trị cổ phiếu được chia cổ tức	179.482.100.000
4.4	Cổ tức đã tạm ứng (nếu có)	-

TT	Phương án phân phối lợi nhuận	Số tiền (đồng)
4.5	Lợi nhuận được chia cổ tức	128.928.739
4.6	Cổ tức được chia trên mỗi cổ phiếu	
5	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	128.928.739

Căn cứ phân phối lợi nhuận sau thuế:

- Quỹ khen thưởng phúc lợi: 2.403.014.658 đồng được tính như sau:
 - + Trích tối đa 01 tháng tiền lương thực hiện nhưng không vượt quá 10% LNST năm 2024 (sau khi đã bù hết khoản lỗ lũy kế của các năm trước: 301.194.340 đồng;
 - + Trích bổ sung tối đa bằng 20% lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch nhưng không quá 01 tháng lương thực hiện: 2.101.820.318 đồng.
- Khen thưởng Ban Điều hành: 480 triệu đồng (không vượt quá 1,5 tháng lương, thù lao bình quân thực hiện của Người quản lý doanh nghiệp).
- Lợi nhuận còn lại được chia cổ tức năm 2024 là 128.928.739 đồng.

Với mức lợi nhuận còn lại (sau khi trích lập các quỹ) chưa phân phối 129 triệu đồng, Công ty xin kính trình ĐHĐCĐ cho phép được giữ lại để bổ sung dòng tiền phục vụ sản xuất kinh doanh và sẽ phân phối cùng với lợi nhuận sau thuế của năm 2025.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 của Công ty như trên.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Hồng Minh

TỜ TRÌNH

V/v ký hợp đồng giữa Công ty và TCT Hàng không Việt Nam-CTCP

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty ngày 29/6/2021;

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP (TCTHK) là cổ đông lớn của Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài (NCS) với tỷ lệ sở hữu là 60,17% tổng số cổ phần phổ thông của NCS, đồng thời TCTHK cũng là khách hàng lớn của NCS, việc duy trì hợp đồng cung cấp suất ăn, dịch vụ với TCTHK là rất quan trọng (*giá trị giao dịch trong 5 năm vừa qua (2019 - 2024) của NCS với VNA lần lượt: năm 2019 là 357 tỷ đồng (bằng 53% tổng TS năm liền trước); riêng năm 2020 và 2021 do ảnh hưởng dịch bệnh, giao dịch sụt giảm chỉ còn là 186 tỷ đồng và 85 tỷ đồng (tương ứng bằng 31% và 15% tổng TS của các năm liền trước); năm 2022 là 289,9 tỷ đồng (bằng 57% tổng TS năm liền trước); năm 2023 là 374,2 tỷ đồng (bằng 72,8% tổng TS năm liền trước); năm 2024 là 427,96 tỷ đồng (bằng 92,3% tổng TS của năm liền trước). Năm 2025 và các năm tiếp theo, NCS sẽ thực hiện ký kết Hợp đồng cung cấp suất ăn và các dịch vụ liên quan cho VNA với giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của NCS được ghi trong các Báo cáo tài chính gần nhất.*

Theo Điểm n Khoản 1 Điều 15 Điều lệ Công ty quy định việc: “*Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất*” thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Hợp đồng cung cấp suất ăn và dịch vụ hiện tại gồm Hợp đồng chính và các Phụ lục, Phụ kiện. Theo đánh giá, sau khi hai bên ký hợp đồng mới, trong quá trình thực hiện Hợp đồng sẽ có nhiều phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh tiêu chuẩn dịch vụ, thực đơn, đơn giá... để phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng dịch vụ của TCTHK cũng như nhu cầu của thị trường. Do việc thay đổi các nội dung trong Hợp đồng và các

HỢP ĐỒNG CUNG ỨNG SUẤT ĂN

HỢP ĐỒNG CHÍNH

Hợp đồng này (bao gồm Hợp đồng chính, Phụ lục A và (các) phụ lục B, sau đây gọi là Hợp đồng), được lập ngày ... tháng ... năm ... giữa:

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

có trụ sở chính tại: Số 200, Phố Nguyễn Sơn, Quận Long Biên, Hà Nội, Việt Nam
sau đây gọi là "**Hãng hàng không**"

và:

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI

có trụ sở chính tại: Sân bay Nội Bài, Hà Nội, Việt Nam
sau đây gọi là "**Công ty cung ứng suất ăn**".

Các bên cùng đồng ý với các thoả thuận như sau:

ĐIỀU 1

TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ VÀ DỊCH VỤ:

1.1. Điều khoản chung

Công ty cung ứng suất ăn đứng tên trong Hợp đồng này chịu trách nhiệm cung cấp cho Hãng hàng không các dịch vụ được cụ thể hoá trong các điều 1.2, 1.3, 1.5 và 1.6 của Hợp đồng này (sau đây được gọi là Dịch vụ) phù hợp với các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng.

1.2. Các chuyến bay theo lịch

Công ty cung ứng suất ăn có trách nhiệm cung ứng các Dịch vụ ghi tại Phụ lục A và được liệt kê trong (các) Phụ lục B cho máy bay được khai thác bởi Hãng hàng không hoặc khai thác theo uỷ quyền của Hãng hàng không để thực hiện các chuyến bay theo lịch tại (các) địa điểm tương ứng được nêu tại (các) Phụ lục B. Ngược lại, Hãng hàng không cam kết thông báo cho Công ty cung ứng suất ăn trong thời gian sớm nhất có thể được các thay đổi về lịch bay và/hoặc tần suất bay và/hoặc loại máy bay khai thác.

1.3. Các chuyến bay đặc biệt

Công ty cung ứng suất ăn sẽ cung cấp các Dịch vụ ghi trong Phụ lục A và được liệt kê trong (các) Phụ lục B cho các máy bay thực hiện các chuyến bay không theo lịch được khai thác bởi Hãng hàng không hoặc khai thác theo uỷ quyền của Hãng hàng không tại (các) địa điểm tương ứng được nêu tại (các) Phụ lục B với điều kiện Hãng hàng không thông báo trước cho Công ty cung ứng suất ăn một cách hợp lý và việc cung cấp dịch vụ cho các chuyến bay đặc biệt này sẽ không ảnh hưởng gì tới các cam kết đã được thoả thuận giữa hai bên.

1.4. Thứ tự ưu tiên

Trong trường hợp phục vụ nhiều chuyến bay và trong khả năng cho phép, các chuyến bay khai thác đúng giờ sẽ được ưu tiên phục vụ trước.

1.5. Các dịch vụ khác

Trong khả năng cho phép, Công ty cung ứng suất ăn sẽ cung cấp cho Hãng hàng không các dịch vụ khác nếu Hãng hàng không yêu cầu. Các dịch vụ này sẽ được điều chỉnh bằng các điều khoản đặc biệt được thoả thuận giữa hai bên.

1.6. Các sân bay khác

Trong trường hợp nhận được yêu cầu cung cấp dịch vụ của máy bay của Hãng hàng không tại các sân bay không phải là địa điểm đã qui định trong Hợp đồng này mà tại địa điểm đó Công ty cung ứng suất ăn có chi nhánh cung cấp dịch vụ, Công ty cung ứng suất

ăn sẽ nỗ lực hết sức, trong điều kiện các phương tiện và trang thiết bị sẵn có tại địa điểm đó, cung cấp các dịch vụ cần thiết cho Hãng hàng không theo yêu cầu.

1.7. Không có khả năng cung cấp dịch vụ

Trong trường hợp Công ty cung ứng suất ăn không thể cung cấp cho Hãng hàng không tất cả hoặc một số Dịch vụ đã được đề cập đến tại Điều 1.3, 1.5 và 1.6, Công ty cung ứng suất ăn sẽ phải thông báo cho Hãng hàng không ngay khi nhận được yêu cầu của Hãng hàng không về việc cung cấp các Dịch vụ này.

ĐIỀU 2

THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

2.1. Bảo mật

Mỗi Bên có trách nhiệm thực hiện và đảm bảo rằng người phục vụ, người lao động, đại lý và (các) đại diện có thẩm quyền của mình thực hiện các điều khoản của Hợp đồng này theo nguyên tắc bảo mật nghiêm ngặt nhất. Không Bên nào được phép tiết lộ, phổ biến các thông tin liên quan đến Bên kia hoặc các công việc do các Bên thực hiện liên quan đến Hợp đồng này nếu không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên mà thông tin bị tiết lộ, việc chấp thuận bằng thể thức văn bản này không thể bị trì hoãn hoặc từ chối mà không có lý do hợp lý. Tuy nhiên, một Bên có thể tiết lộ các thông tin trên của Bên kia nếu các thông tin này rõ ràng đã được thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng tại thời điểm thông tin này bị tiết lộ; hoặc theo yêu cầu của pháp luật hiện hành hoặc các quy định của chính phủ hoặc nhà chức trách mà theo đó Bên đó được yêu cầu phải tiết lộ thông tin. Trong trường hợp này, Bên được yêu cầu phải tiết lộ thông tin phải thông báo trước cho Bên kia trước mỗi lần thực hiện tiết lộ thông tin.

ĐIỀU 3

NHÀ THẦU PHỤ

- 3.1. Công ty cung ứng suất ăn có thể uỷ quyền thực hiện bất cứ một Dịch vụ nào của Hợp đồng cho các Nhà thầu phụ của mình nếu đã đạt được thoả thuận bằng văn bản trước với Hãng hàng không. Việc thoả thuận bằng thể thức văn bản như trên không thể bị trì hoãn hoặc từ chối mà không có lý do hợp lý. Công ty cung ứng suất ăn trong mọi thời điểm sẽ vẫn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Hãng hàng không về tính chính xác và hoàn chỉnh của việc cung ứng các Dịch vụ đã uỷ quyền cho (các) nhà thầu phụ này như trong trường hợp Công ty cung ứng suất ăn tự mình cung ứng Dịch vụ đó. Từng Dịch vụ được uỷ quyền cho Nhà thầu phụ sẽ được ghi rõ trong (các) Phụ lục B liên quan.
- 3.2. Hãng hàng không sẽ không chỉ định bất kỳ một cá nhân, công ty hoặc tổ chức nào khác để cung ứng các Dịch vụ mà Công ty cung ứng suất ăn đã đồng ý cung cấp trong phạm vi của Hợp đồng này, ngoại trừ các trường hợp đã quy định trong Điều khoản phụ 1.7 và 12.3 của Hợp đồng này và trong các trường hợp đặc biệt khác mà hai Bên hoàn toàn nhất trí với nhau.

ĐIỀU 4

ĐẠI DIỆN CỦA HÃNG HÀNG KHÔNG

- 4.1. Hãng hàng không có thể bổ trí đại diện riêng của mình tại (các) địa điểm quy định tại (các) Phụ lục hợp đồng, với chi phí do Hãng hàng không đảm nhiệm. Các đại diện riêng này hoặc đại diện của trụ sở chính của Hãng hàng không sẽ có quyền kiểm tra nhà xưởng, máy móc được sử dụng để lưu trữ, chuẩn bị, sản xuất và vận chuyển các yếu tố cần thiết hoặc có liên quan đến việc cung cấp các Dịch vụ cho Hãng hàng không, cũng như có quyền kiểm tra các Dịch vụ sẽ được Công ty cung ứng suất ăn cung cấp cho Hãng hàng không theo các thoả thuận tại Hợp đồng. Các đại diện có thể tư vấn hoặc hỗ trợ Công ty cung ứng suất ăn, đồng thời Công ty cung ứng suất ăn cũng sẽ nỗ lực hết khả năng để tuân thủ theo các hướng dẫn của các đại diện của Hãng hàng không đưa ra đối với Công ty cung ứng suất ăn.
- 4.2. Công ty cung ứng suất ăn sẽ hợp tác và cung cấp các trang thiết bị cần thiết cho đại diện của Hãng hàng không thực hiện việc kiểm tra theo Điều 4.1 để đại diện này hoàn thành nhiệm vụ của mình một cách hiệu quả. Việc kiểm tra này có thể được thực hiện mà không cần thông báo trước và sẽ không ảnh hưởng đến quyền khiếu kiện sau này của Hãng hàng

không đối với Công ty cung ứng suất ăn. Công ty cung ứng suất ăn có quyền cử một đại diện của mình thực hiện kiểm tra cùng với đại diện của Hãng hàng không.

- 4.3. Hãng hàng không có thể thuê một tổ chức (sau đây được gọi là "Đại diện được uỷ nhiệm") tiến hành kiểm tra Dịch vụ của Công ty cung ứng suất ăn tại (các) địa điểm đã được quy định trong (các) Phụ lục B, nhưng phải có thông báo trước cho Công ty cung ứng suất ăn bằng văn bản và chi phí cho cuộc kiểm tra đó do Hãng hàng không đảm nhiệm. Thông báo này phải nêu rõ các danh mục Dịch vụ sẽ được kiểm tra. Các Đại diện được uỷ nhiệm này sẽ có các quyền giống như các đại diện riêng của chính Hãng hàng không được quy định trong Điều 4.1.
- 4.4. Việc các Đại diện riêng hoặc Đại diện được uỷ nhiệm của Hãng hàng không hướng dẫn và hỗ trợ Công ty cung ứng suất ăn sẽ không làm giảm trách nhiệm của Công ty cung ứng suất ăn đối với Hãng hàng không trong việc thực hiện đầy đủ, chính xác và hợp lý các Dịch vụ theo Hợp đồng.
- 4.5. Các trang thiết bị văn phòng và văn phòng do Công ty cung ứng suất ăn cung cấp cho Hãng hàng không với mục đích để cho Đại diện riêng hoặc Đại diện được uỷ nhiệm của Hãng hàng không thực hiện các công việc trên sẽ được quy định trong một Hợp đồng riêng biệt.

ĐIỀU 5

TIÊU CHUẨN CÔNG VIỆC

- 5.1. Công ty cung ứng suất ăn có trách nhiệm cung cấp mọi Dịch vụ cho Hãng hàng không theo đúng các bản ghi chi tiết về đặc điểm, nội dung dịch vụ và các quy trình được quy định trong (các) Phụ lục B.
- 5.2. Đối với các chuyến bay theo lịch đã được quy định trong Điều 1.2, Công ty cung ứng suất ăn có trách nhiệm luôn luôn cung cấp các Dịch vụ cho Hãng hàng không theo các bản ghi chi tiết về đặc điểm, nội dung dịch vụ và các bảng hướng dẫn trong (các) Phụ lục B của Hợp đồng này, cũng như theo các bản ghi chi tiết về đặc điểm, nội dung Dịch vụ và các bảng hướng dẫn được Hãng hàng không cung cấp cho Công ty cung ứng suất ăn để cập nhật cho từng giai đoạn cụ thể (dưới đây được gọi là "Hướng dẫn"). Công ty cung ứng suất ăn phải xác nhận bằng văn bản cho Hãng hàng không về việc đã nhận được các Hướng dẫn trên. Các Bên đồng ý rằng tất cả Hướng dẫn này sẽ hợp nhất và trở thành một bộ phận của Hợp đồng. Trong trường hợp không có Hướng dẫn của Hãng hàng không đối với một công việc nào đó, Công ty cung ứng suất ăn sẽ thực hiện công việc đó theo các tiêu chuẩn và quy trình hiện hành của mình.
- 5.3. Các Dịch vụ, khác với loại cung ứng cho các chuyến bay theo lịch và thực hiện theo Điều 1.3, 1.5 và 1.6 của Hợp đồng này, sẽ được Công ty cung ứng suất ăn cung cấp theo các yêu cầu cụ thể của Hãng hàng không trừ khi Công ty cung ứng suất ăn thông báo cho Hãng hàng không về việc không có khả năng cung ứng các Dịch vụ này ngay khi nhận được yêu cầu của Hãng hàng không. Hai Bên sau đó sẽ thoả thuận cụ thể về việc cung ứng các dịch vụ đặc biệt này. Trong trường hợp Hãng hàng không không có yêu cầu hoặc thoả thuận cụ thể đối với các dịch vụ này, Công ty cung ứng suất ăn sẽ thực hiện công việc đó theo các tiêu chuẩn và quy trình hiện hành của mình.
- 5.4. Công ty cung ứng suất ăn cam kết thực hiện mọi biện pháp cần thiết để đảm bảo rằng, đối với các dịch vụ và các tiêu chuẩn được thoả thuận trong Hợp đồng, máy bay, tổ bay và hành khách của Hãng hàng không sẽ nhận được sự phục vụ không kém hơn sự phục vụ của Công ty cung ứng suất ăn đối với các hãng hàng không khác cũng như sự phục vụ tương tự khác có thể so sánh được tại cùng địa điểm.
- 5.5. Công ty cung ứng suất ăn cam kết sẽ luôn cập nhật thông tin về nhiệm vụ, quyền hạn của các nhân viên thực hiện cung cấp Dịch vụ cho Hãng hàng không. Trong trường hợp tại một thời điểm cụ thể nào đó, Công ty cung ứng suất ăn không thể cung cấp các thông tin về nhiệm vụ, quyền hạn của các nhân viên thực hiện cung cấp dịch vụ theo yêu cầu của Hãng hàng không, Công ty cung ứng suất ăn sẽ thông báo cho Hãng hàng không ngay lập tức.
- 5.6. Hãng hàng không sẽ cung cấp đầy đủ các thông tin và hướng dẫn để Công ty cung ứng suất ăn có thể thực hiện việc cung ứng Dịch vụ theo cách thích hợp.
- 5.7. Công ty cung ứng suất ăn cam kết rằng: trong quá trình thực hiện việc cung ứng Dịch vụ, sẽ luôn chú ý đến vấn đề an toàn và an ninh và sẽ tuân thủ theo luật pháp và các quy định

quốc gia và quốc tế đang có hiệu lực áp dụng, bao gồm và không giới hạn các luật lệ và quy định của Hiệp hội Hàng không Quốc tế (IATA) và/hoặc Tổ chức Hàng không Dân dụng Thế giới (ICAO).

- 5.8.** Công ty cung ứng suất ăn sẽ phải ngay lập tức thông báo cho đại diện của Hãng hàng không về các thiệt hại hoặc mất mát có nguy cơ xảy ra hoặc đã xảy ra trên thực tế đối với máy bay và hàng hoá, vật tư chứa trên máy bay của Hãng hàng không mà Công ty cung ứng suất ăn nhận thấy trong quá trình thực hiện cung ứng hay thông qua nhận thức của mình.
- 5.9.** Công ty cung ứng suất ăn cam kết: tại mọi thời điểm trong quá trình thực hiện Hợp đồng, sẽ:
- (a) đảm bảo rằng các nhà xưởng, máy móc, các quá trình sản xuất, các dụng cụ dùng để cất trữ, chuẩn bị, sản xuất và vận chuyển các suất ăn và đồ uống để cung ứng cho máy bay của Hãng hàng không luôn luôn đáp ứng được các tiêu chuẩn về vệ sinh được quy định cụ thể trong luật, các quy định, quy trình và yêu cầu của quốc gia cũng như quốc tế đang có hiệu lực áp dụng;
 - (b) thực hiện các bước cần thiết để đảm bảo rằng đồ ăn và nước uống được cung ứng lên máy bay của Hãng hàng không cũng như các dụng cụ phục vụ cho việc cung cấp các Dịch vụ theo yêu cầu của Hãng hàng không sẽ được loại trừ hoàn toàn nguồn gốc các vi khuẩn gây bệnh và các chất độc hại theo yêu cầu của luật pháp, quy định, quy trình và yêu cầu của quốc gia và quốc tế;
 - (c) đảm bảo và chứng minh rằng các tiêu chuẩn được đề cập ở trên đã và sẽ được thực hiện thường xuyên, liên tục và bằng chứng về việc thực hiện này sẽ phải được lưu trữ và sẵn có để Hãng hàng không tiến hành kiểm tra nếu cần thiết;
 - (d) đảm bảo rằng các Dịch vụ luôn được cung ứng kịp thời;
 - (e) đảm bảo đáp ứng được các tiêu chuẩn bổ sung về việc thực hiện công việc được ghi cụ thể tại Phụ lục B.

5.10. Dụng cụ, trang thiết bị

Công ty cung ứng suất ăn sẽ cung cấp các điều kiện, trang thiết bị cần thiết để đảm bảo các vật dụng do Hãng hàng không cung cấp cho Công ty cung ứng suất ăn (sau đây gọi là "Dụng cụ, trang thiết bị") sẽ được cất trữ một cách hiệu quả và an toàn để thực hiện cung ứng các Dịch vụ. Công ty cung ứng suất ăn sẽ phải chịu trách nhiệm vật chất đối với các Dụng cụ, trang thiết bị do Hãng hàng không cung cấp nếu các Dụng cụ, trang thiết bị này bị mất mát hoặc hư hỏng trong quá trình thuộc phạm vi kiểm soát hoặc trong quá trình sử dụng của Công ty cung ứng suất ăn, hoặc đã được cam kết là sẽ được bảo quản an toàn.

- 5.11.** Công ty cung ứng suất ăn đảm bảo rằng: mọi tài sản của Hãng hàng không giao cho Công ty cung ứng suất ăn sẽ chỉ được sử dụng duy nhất cho mục đích thực hiện các công việc cung ứng Dịch vụ hoặc các công việc có liên quan tới cung ứng Dịch vụ cho Hãng hàng không và không tài sản nào trong số đó được giữ hoặc sử dụng cho bất kỳ một mục đích nào khác, cũng như trao cho một bên thứ ba hoặc người nào khác để sử dụng với bất kỳ mục đích gì.

**ĐIỀU 6
TIỀN CÔNG**

- 6.1.** Đối với các Dịch vụ đã được Công ty cung ứng suất ăn cung cấp, Hãng hàng không cam kết sẽ thanh toán cho Công ty cung ứng suất ăn các khoản phí cho các Dịch vụ đã được Công ty cung ứng suất ăn cung cấp cho Hãng hàng không theo các mức giá đã được cụ thể hoá trong (các) Phụ lục B tương ứng về điều khoản Dịch vụ và theo Điều 1.2 của Hợp đồng này. Ngoài ra, Hãng hàng không cũng cam kết sẽ thanh toán cho Công ty cung ứng suất ăn các khoản chi phí và các khoản tiền khác thực sự phát sinh khi Công ty cung ứng suất ăn cung cấp cho Hãng hàng không các Dịch vụ như đã đề cập tại các Điều 1.3, 1.5 và 1.6 của Hợp đồng này.
- 6.2.** Các khoản phí được ghi trong (các) Phụ lục B sẽ không bao gồm các khoản phí, lệ phí và thuế mà Hãng hàng không hoặc Công ty cung ứng suất ăn phải trả cho Sân bay, Hải quan hoặc các nhà chức trách khác liên quan trực tiếp đến việc Công ty cung ứng suất ăn cung cấp các Dịch vụ cho Hãng hàng không theo Hợp đồng này, hoặc liên quan đến các chuyến

bay của Hãng hàng không. Các khoản phí, lệ phí và thuế này sẽ được kê riêng và Hãng hàng không sẽ là người chi trả cuối cùng.

6.3. Hãng hàng không sẽ chỉ chịu trách nhiệm thanh toán cho các Dịch vụ do Đại diện có thẩm quyền thích hợp của Hãng hàng không yêu cầu và/hoặc chấp nhận bằng văn bản; đồng thời các Dịch vụ này đã được cung cấp cho Hãng hàng không theo đúng các điều khoản của Hợp đồng này.

6.4. Phí huỷ bỏ Dịch vụ

6.4.1. Hãng hàng không sẽ chấp nhận thực hiện các nghĩa vụ được quy định trong (các) Phụ lục B của Hợp đồng này liên quan đến việc (các) đại diện có thẩm quyền của mình huỷ bỏ Dịch vụ mà Hãng hàng không đã chính thức yêu cầu Công ty cung ứng suất ăn cung cấp.

6.4.2. Công ty cung ứng suất ăn sẽ phải gửi tài liệu cho Hãng hàng không về các khoản phí và các khoản tiền khác mà mình đã phải chi trả theo các điều khoản của (các) Phụ lục B liên quan đến việc huỷ bỏ dịch vụ trước khi Hãng hàng không phải chịu trách nhiệm trong các trường hợp như vậy.

6.4.3. Trừ khi được quy định trong (các) Phụ lục B, Hãng hàng không sẽ không chịu trách nhiệm về hoặc liên quan đến việc huỷ bỏ Dịch vụ. Hãng hàng không sẽ có quyền huỷ bỏ các yêu cầu về suất ăn vì bất kỳ lý do nào, bao gồm và không giới hạn ở việc chậm, huỷ hay thay đổi hành trình chuyến bay...

**ĐIỀU 7
THANH TOÁN**

7.1. Căn cứ vào các điều khoản đã thoả thuận trong Hợp đồng và theo địa chỉ được quy định trong Phụ lục B, Công ty cung ứng suất ăn sẽ gửi cho Hãng hàng không hoá đơn thanh toán cho các khoản phí phát sinh từ việc cung cấp các Dịch vụ ghi tại Phụ lục A và được liệt kê trong (các) Phụ lục B theo mức giá được ghi trong Phụ lục B đang có hiệu lực áp dụng. Các hoá đơn này phải được đính kèm theo các chứng từ có liên quan theo hướng dẫn của Hãng hàng không.

7.2. Việc thanh toán sẽ được thực hiện bằng chuyển khoản theo các thoả thuận chi tiết trong Phụ lục B.

7.3. Một trong hai Bên sẽ có quyền sửa chữa lỗi trong hoá đơn đã được gửi trước đó. Hãng hàng không cam kết sẽ không chậm trễ trong việc thanh toán cho các khoản tiền mà Hãng hàng không không có tranh cãi gì với điều kiện việc thanh toán này sẽ không ảnh hưởng đến quyền khiếu nại sau này của Hãng hàng không đối với Công ty cung ứng suất ăn. Các khiếu nại này của Hãng hàng không sẽ phải được gửi trong vòng 30 ngày tính từ ngày nhận được hoá đơn thanh toán. Công ty cung ứng suất ăn sẽ phải trả lời Hãng hàng không trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại.

**ĐIỀU 8
TRÁCH NHIỆM VÀ BỒI THƯỜNG**

Trong điều khoản này, khi đề cập đến Hãng hàng không hoặc Công ty cung ứng suất ăn, các cụm từ này sẽ bao hàm cả các nhân công, người phục vụ, đại lý và Nhà thầu phụ của các công ty này.

8.1. Hãng hàng không sẽ không khiếu nại Công ty cung ứng suất ăn và sẽ thực hiện bồi thường (các đối tượng được bồi thường sẽ được quy định dưới đây) đối với trách nhiệm pháp lý cho các khiếu nại, khiếu kiện, bao gồm các khoản phí và phụ phí phát sinh từ các khiếu nại và khiếu kiện đó, liên quan đến:

- (a) việc chậm chuyển, gây thương vong hoặc tử vong cho các cá nhân đã hoặc sẽ được vận chuyển bởi Hãng hàng không; và
- (b) thương vong hoặc tử vong xảy ra cho các nhân công của Hãng hàng không; và
- (c) sự chậm trễ về hành lý, hàng hoá hoặc bưu kiện đã hoặc sẽ được vận chuyển bởi Hãng hàng không; và
- (d) thiệt hại hoặc tổn thất về tài sản thuộc quyền sở hữu của Hãng hàng không hoặc do Hãng hàng không khai thác hoặc do hãng được Hãng hàng không uỷ quyền khai thác và các thiệt hại hoặc tổn thất là hậu quả của thiệt hại hoặc tổn thất nói trên;

phát sinh từ hành động hoặc thiếu sót của Công ty cung ứng suất ăn trong quá trình thực hiện Hợp đồng, trừ khi các hành động hoặc thiếu sót này được thực hiện với chủ ý gây thiệt hại, tử vong, chậm trễ, thương vong hay tổn thất, hoặc được thực hiện một cách bất cẩn với nhận thức là việc bất cẩn đó có thể sẽ gây ra thiệt hại, tử vong, chậm trễ, thương vong hay tổn thất.

Với điều kiện là các khiếu nại và khiếu kiện phát sinh từ Hợp đồng này được giải quyết bởi Hãng hàng không; và

Còn với điều kiện là Công ty cung ứng suất ăn sẽ thông báo cho Hãng hàng không một cách không chậm trễ về các khiếu nại và khiếu kiện này, và sẽ hỗ trợ cho Hãng hàng không nếu Hãng hàng không có các yêu cầu hợp lý.

- 8.2.** Không kể các điều được quy định trong Điều 8.1 nêu trên, Hãng hàng không sẽ có quyền khiếu nại Công ty cung ứng suất ăn nếu thấy hợp lý và Công ty cung ứng suất ăn sẽ phải thực hiện bồi thường cho Hãng hàng không đối với các nghĩa vụ pháp lý cho các khiếu nại, khiếu kiện, bao gồm các khoản phí và phụ phí phát sinh từ các khiếu nại và khiếu kiện đó, liên quan đến:
- (a) tử vong, thương vong, ốm đau hoặc bệnh tật của các cá nhân được vận chuyển bởi Hãng hàng không; và
 - (b) tử vong, thương vong, ốm đau hoặc bệnh tật của nhân công của Hãng hàng không;
- phát sinh từ việc Công ty cung ứng suất ăn không thực hiện đúng các Điều 5.9(a) và 5.9(b) trong Hợp đồng này.
- 8.3.** Hãng hàng không sẽ không khiếu nại Công ty cung ứng suất ăn đối với các thiệt hại, tử vong, chậm trễ, thương vong hoặc tổn thất xảy ra đối với các bên thứ 3 (nghĩa là các bên không phải Hãng hàng không, Công ty cung ứng suất ăn và các cá nhân được hoặc sẽ được vận chuyển bởi Hãng hàng không) phát sinh từ hành động hoặc thiếu sót của Công ty cung ứng suất ăn trong quá trình thực hiện Hợp đồng trừ khi các hành động hoặc thiếu sót này được thực hiện với chủ ý gây thiệt hại, tử vong, chậm trễ, thương vong hay tổn thất, hoặc được thực hiện một cách bất cẩn với nhận thức là việc bất cẩn đó có thể sẽ gây ra thiệt hại, tử vong, chậm trễ, thương vong hay tổn thất.
- 8.4.** (a) Không kể các quy định trong Điều 8.1, trong trường hợp có các khiếu nại phát sinh từ việc vận chuyển đường bộ cần thiết trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, và việc vận chuyển này là một phần của quá trình xếp dỡ và/hoặc được điều chỉnh bởi Hợp đồng chuyên chở của Hãng hàng không, việc bồi thường sẽ không vượt quá giới hạn đã quy định trong Hợp đồng chuyên chở.
- (b) Trong trường hợp khiếu nại phát sinh do việc vận chuyển đường bộ mà việc vận chuyển này KHÔNG được thực hiện theo uỷ quyền của Hãng hàng không và/hoặc KHÔNG phải là một phần của quá trình xếp dỡ và/hoặc KHÔNG được điều chỉnh bởi Hợp đồng chuyên chở của Hãng hàng không, việc miễn trừ trách nhiệm và bồi thường đã quy định trên đây sẽ không được áp dụng.
- 8.5.** Công ty cung ứng suất ăn sẽ không khiếu nại Hãng hàng không và phải bồi thường (các đối tượng được bồi thường sẽ được quy định dưới đây) đối với các trách nhiệm pháp lý cho các khiếu nại và khiếu kiện, bao gồm các khoản phí và phụ phí phát sinh từ các khiếu nại và khiếu kiện đó, đối với:
- (a) thương vong hoặc tử vong của nhân công, người phục vụ, đại lý hoặc các nhà thầu phụ của Công ty cung ứng suất ăn; và
 - (b) thiệt hại hoặc tổn thất về tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty cung ứng suất ăn, hoặc do Công ty cung ứng suất ăn khai thác hoặc uỷ quyền khai thác; cũng như các thiệt hại và tổn thất:
- phát sinh từ hành động hoặc thiếu sót của Hãng hàng không trong quá trình thực hiện Hợp đồng, trừ khi các hành động hoặc thiếu sót đó được thực hiện với chủ ý gây thiệt hại, tử vong, chậm trễ, thương vong hay tổn thất, hoặc được thực hiện một cách bất cẩn với nhận thức là việc bất cẩn đó có thể sẽ gây ra thiệt hại, tử vong, chậm trễ, thương vong hay tổn thất.
- 8.6.** Để không gây ảnh hưởng đến trách nhiệm bồi thường của Công ty cung ứng suất ăn đối với Hãng hàng không, Công ty cung ứng suất ăn, với chi phí thuộc về phần mình, sẽ mua các

bảo hiểm cần thiết để đảm bảo cho các trách nhiệm và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng này và đặc biệt là các trách nhiệm và nghĩa vụ phát sinh từ Điều 8.2 cho các điều khoản đã quy định trong Phụ lục B có liên quan.

ĐIỀU 9 TRỌNG TÀI

- 9.1.** Mọi tranh chấp hoặc khiếu nại liên quan đến hoặc phát sinh từ phạm vi, ý nghĩa, cấu trúc và hiệu lực của Hợp đồng này, nếu không được giải quyết bằng thoả thuận giữa hai bên, sẽ được đưa ra trọng tài giải quyết dứt điểm theo các thủ tục được quy định dưới đây, các phán quyết của trọng tài đã đưa ra có thể được chuyển tới toà án có thẩm quyền thụ lý.
- 9.1.1.** Các Bên có thể thoả thuận việc chỉ định một trọng tài duy nhất, trong trường hợp này, hội đồng trọng tài sẽ chỉ bao gồm một trọng tài duy nhất. Trọng tài này có thể do cả hai Bên trực tiếp chỉ định hoặc theo yêu cầu của cả hai Bên, do Tổng giám đốc IATA chỉ định.
- 9.1.2.** Nếu các Bên không đồng ý chỉ định một trọng tài duy nhất, Hội đồng trọng tài sẽ bao gồm ba trọng tài viên được chỉ định theo cách sau:
- (a) Mỗi Bên sẽ chỉ định một trong ba trọng tài. Nếu một trong các Bên không chỉ định được trọng tài của mình thì trọng tài đó sẽ do Tổng giám đốc IATA chỉ định.
 - (b) Hai trọng tài được chỉ định trên sẽ chỉ định một trọng tài thứ ba, trọng tài thứ ba này sẽ đảm nhiệm vị trí chủ toạ. Nếu hai trọng tài này không thể chỉ định được một trọng tài thứ ba thì trọng tài đó sẽ do Tổng giám đốc IATA chỉ định.
- 9.1.3.** Theo yêu cầu của các Bên, Tổng Giám đốc IATA sẽ chọn một thời hạn thích hợp nhất định, trong thời hạn đó, các Bên hoặc trọng tài do các bên chỉ định sẽ thành lập hội đồng trọng tài. Khi hết thời hạn này, Tổng Giám đốc IATA sẽ thực hiện các hành động cần thiết được quy định trong điều khoản trên để thành lập hội đồng trọng tài.
- 9.1.4.** Trong trường hợp hội đồng trọng tài bao gồm ba trọng tài, việc phán quyết sẽ được thực hiện theo nguyên tắc đa số.
- 9.1.5.** Việc trọng tài sẽ được tiến hành tại địa điểm được quy định cụ thể trong Phụ lục B.
- 9.1.6.** Các Bên sẽ ra điều kiện để chỉ định trọng tài là trọng tài phải áp dụng luật và các quy định được cụ thể hoá trong Điều 13 để giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, trọng tài hoặc hội đồng trọng tài có thể tự định ra nguyên tắc thủ tục riêng. Phán quyết của trọng tài sẽ bao gồm hướng dẫn về việc phân chia chi phí, phụ phí và các khoản phí khác liên quan đến việc trọng tài (bao gồm cả lệ phí trọng tài).
- 9.1.7.** Phán quyết của trọng tài sẽ là phán quyết cuối cùng và có hiệu lực ràng buộc đối với cả hai bên.
- 9.1.8.** Các Bên phải có những nỗ lực hợp lý để đảm bảo rằng phán quyết của các trọng tài sẽ được đưa ra trong vòng ba tháng kể từ ngày chỉ định trọng tài hoặc kể từ ngày chỉ định trọng tài thứ ba trong trường hợp thành lập hội đồng trọng tài.
- 9.1.9.** Thủ tục trọng tài này sẽ không ảnh hưởng đến quyền của các Bên theo Hợp đồng về việc có thể huỷ bỏ thủ tục trọng tài tại bất kỳ thời gian nào trước khi có phán quyết của trọng tài và có thể tìm cách giải quyết khác.

ĐIỀU 10 LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ VÀ ĐÓNG DẤU

- 10.1.** Mỗi Bên sẽ phải trả tất cả các khoản thuế đăng ký hoặc thuế trước bạ (bao gồm cả phí đóng dấu) hoặc các khoản phí tương tự phát sinh liên quan đến Hợp đồng này mà các Bên phải trả theo luật của quốc gia mà Bên đó đặt trụ sở giao dịch chính thức.
- 10.2.** Tất cả các khoản thuế đăng ký hoặc thuế trước bạ (bao gồm cả phí đóng dấu) hoặc các khoản phí tương ứng phát sinh từ Hợp đồng này mà các Bên phải trả theo luật của quốc gia là địa điểm được quy định trong (các) Phụ lục B, nhưng không phải là quốc gia mà các Bên đặt trụ sở chính thức, sẽ được chia đều cho các Bên.

ĐIỀU 11 THỜI HẠN HIỆU LỰC, SỬA ĐỔI VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- 11.1.** Hợp đồng này sẽ có hiệu lực áp dụng đối với tất cả các địa điểm được quy định trong Phụ lục B tương ứng và sẽ tiếp tục có hiệu lực cho đến khi các Bên chấm dứt Hợp đồng theo các quy định trong Điều khoản 11 này. Hợp đồng này sẽ thay thế cho tất cả các thỏa thuận trước đây giữa các Bên về việc cung ứng các Dịch vụ tại các địa điểm được quy định trong Phụ lục B có hiệu lực của Hợp đồng.
- 11.2.** Các sửa đổi, bổ sung đối với Hợp đồng này sẽ được ghi chép trong (các) Phụ lục B. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa các quy định từ Điều 1 đến Điều 13 của Hợp đồng và các quy định trong Phụ lục B, các quy định trong Phụ lục B sẽ được áp dụng. Hợp đồng này thể hiện sự nhất trí hoàn toàn và sự hiểu biết giữa các Bên liên quan đến việc cung ứng các Dịch vụ. Tất cả các thay thế, sửa đổi và bổ sung đối với Hợp đồng (kể cả (các) phụ lục A) sẽ không có hiệu lực và không có sức ràng buộc đối với các Bên trừ khi các thay thế, sửa đổi và bổ sung này được ghi nhận lại tại hoặc đính kèm với Phụ lục B và có chữ ký của đại diện có thẩm quyền của các Bên. Các Bên phải thông báo bằng văn bản cho Bên kia ít nhất là sáu mươi (60) ngày trước khi có các thay thế, sửa đổi và bổ sung trên.
- 11.3.** Hợp đồng chính có thể bị hủy toàn bộ hoặc trong một phạm vi chừng mực liên quan đến một địa điểm cụ thể bởi một trong hai bên bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho Bên kia ít nhất là chín mươi (90) ngày trước đó, trừ trường hợp được quy định tại Điều khoản phụ 11.4.
- 11.4.** Tại mọi thời điểm, Hãng hàng không có thể ngay lập tức đơn phương chấm dứt một phần hay toàn bộ Hợp đồng và thông báo bằng văn bản cho Công ty cung ứng suất ăn trong các trường hợp sau:
- (a) Công ty cung ứng suất ăn không thể cung cấp các Dịch vụ đáp ứng được yêu cầu của Hãng hàng không và mà việc này đã được Hãng hàng không thông báo bằng văn bản cho Công ty cung ứng suất ăn tuy nhiên trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày có thông báo đó, Công ty cung ứng suất ăn vẫn không cung cấp Dịch vụ theo đúng yêu cầu của Hãng hàng không.
 - (b) Công ty cung ứng suất ăn đã vi phạm hoặc sơ suất trong việc tuân thủ theo bất cứ tiêu chuẩn nào được quy định trong Điều 5 của Hợp đồng này. Việc Công ty cung ứng suất ăn không tuân thủ theo các đặc điểm, nội dung Dịch vụ của Hãng hàng không về vệ sinh, chất lượng đồ ăn và đồ uống, các tiêu chuẩn và cách bày biện sẽ được coi là vi phạm Hợp đồng.
- 11.5.** Trong trường hợp một phần hay toàn bộ quyền hoặc sự uỷ quyền của Hãng hàng không hoặc của Công ty cung ứng suất ăn cần thiết cho việc thực hiện các dịch vụ vận chuyển hàng không, hoặc cần thiết cho việc thực hiện cung ứng các Dịch vụ đã được quy định trong (các) Phụ lục B, bị thu hồi, trì hoãn hay hủy bỏ, các Bên có thể chấm dứt hợp đồng hoặc (các) Phụ lục B có liên quan từ ngày sự thu hồi, trì hoãn hoặc hủy bỏ đó có hiệu lực bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho Bên kia trong vòng 24 giờ kể từ khi sự thu hồi, trì hoãn hoặc hủy bỏ đó có hiệu lực.
- 11.6.** Một trong hai Bên có thể chấm dứt Hợp đồng này tại bất kỳ thời điểm nào nếu:
- (a) Bên kia bị bắt buộc hoặc tự nguyện thanh lý để dừng kinh doanh
 - (b) Bên kia bị chuyển giao lại cho các bên thụ hưởng hoặc chủ nợ
 - (c) Bên kia tuyên bố phá sản hoặc bị yêu cầu phải tuyên bố phá sản hoặc phải tái cơ cấu lại hoặc phải tái điều chỉnh lại các khoản nợ; với điều kiện các yêu cầu này đã được phán quyết bởi nhà chức trách có thẩm quyền.
 - (d) nếu Bên kia chỉ định hoặc nộp đơn để làm thủ tục chỉ định người thừa kế, người tín thác hay thanh lý toàn bộ hay phần lớn tài sản của mình.
 - (e) nếu bất kỳ một trường hợp tương tự với các trường hợp trên xảy ra trong bất kỳ trường hợp tổ tụng nào.
- 11.7.** Trong trường hợp chấm dứt toàn bộ hay một phần Hợp đồng mà có thông báo trước hoặc trường hợp khác, việc hủy bỏ này sẽ không ảnh hưởng đến các quyền và trách nhiệm mà các Bên phải thực hiện trước khi có sự chấm dứt này.
- 11.8.** Công ty cung ứng suất ăn có quyền điều chỉnh một bộ phận giá riêng rẽ (giá chuẩn trước đó đã được quy định trong bảng giá) nếu điều chỉnh này là kết quả của những thay đổi về giá mua sản phẩm của Công ty cung ứng suất ăn với điều kiện là Công ty cung ứng suất

ăn phải thông báo cho Hãng hàng không về các dự định điều chỉnh này ít nhất là ba mươi (30) ngày trước khi các điều chỉnh này được yêu cầu có hiệu lực, đồng thời các thay đổi về giá này không thể dự đoán trước được và xảy ra do các yếu tố ngoài tầm kiểm soát như:

- (a) sự vi phạm hợp đồng của các nhà cung ứng;
- (b) các thay đổi về giá của các nhà cung cấp vượt quá mười phần trăm (10%) và việc tăng giá này của nhà cung cấp buộc Công ty cung ứng suất ăn phải trả thêm chi phí để mua nguyên liệu vượt quá chi phí bảo hiểm tăng giá nguyên liệu (nếu có);
- (c) các nghị định của chính phủ;
- (d) giá nhân công tăng đáng kể do các tranh chấp nghiêm trọng về lao động.

Việc thực thi các thay đổi này phải được sự nhất trí của Hãng hàng không, và Hãng hàng không không được chối từ hoặc trì hoãn sự nhất trí này mà không có lý do hợp lý.

- 11.9.** Ngoài các điều khoản trên, khi có sự thay đổi về lịch bay như đã đề cập trong điều 1.2 và sự thay đổi này có ảnh hưởng đến chi phí cho việc cung ứng các dịch vụ đã được quy định trong Hợp đồng, Một trong hai Bên sẽ có quyền yêu cầu điều chỉnh giá dịch vụ kể từ ngày có sự thay đổi về lịch bay đó. Yêu cầu này phải được đưa ra trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày thay đổi lịch bay và các phí dịch vụ mới này phải được Bên kia nhất trí. Các Bên không được chối từ hoặc trì hoãn sự nhất trí này nếu không có lý do hợp lý.
- 11.10.** Khi Hợp đồng này bị chấm dứt vì bất kỳ lý do nào, Công ty cung ứng suất ăn sẽ phải trao trả cho Hãng hàng không tất cả tài sản của Hãng hàng không trong điều kiện sạch sẽ.
- 11.11.** Trong trường hợp Hãng hàng không quyết định chấm dứt Hợp đồng và ký Hợp đồng với một Công ty cung ứng suất ăn khác, hoặc Hãng hàng không chấm dứt tất cả các hoạt động khai thác tại sân bay do Công ty cung ứng suất ăn cung ứng Dịch vụ, tất cả trang thiết bị và các tài sản khác của Hãng hàng không sẽ được làm sạch, đóng gói và niêm phong với chi phí do Hãng hàng không chịu.
- 11.12.** Các Bên có thể hoãn lại việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này nếu không thể thực hiện các nghĩa vụ này do các lý do nằm ngoài tầm kiểm soát của Bên đó, bao gồm và không hạn chế ở các tranh chấp về lao động dẫn đến việc trì hoãn hay gián đoạn một phần hay toàn bộ công việc, thiên tai, hỏa hoạn, lũ lụt, bão, hồng điện, hoặc các đạo luật của chính phủ hoặc chính quyền.
- 11.13.** Trong trường hợp xảy ra trì hoãn thực hiện công việc theo điều khoản phụ 11.12, các Bên liên quan sẽ ngay lập tức thông báo cho Bên kia nêu rõ bản chất sự việc và thời gian trì hoãn dự tính.
- 11.14.** Trong trường hợp Công ty cung ứng suất ăn trì hoãn việc cung ứng các Dịch vụ, Hãng hàng không có thể có quyền tùy ý mình chỉ định một Bên thứ ba cung ứng Dịch vụ cho mình cho đến khi Công ty cung ứng suất ăn có thông báo bằng văn bản cho Hãng hàng không về việc có thể tiếp tục thực hiện cung ứng các Dịch vụ theo Hợp đồng này.
- 11.15.** Nếu thời gian trì hoãn thực hiện công việc theo điều khoản phụ 11.12 kéo dài quá sáu mươi (60) ngày, các Bên có thể chấm dứt Hợp đồng bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho Bên kia trong vòng ba mươi (30) ngày.

ĐIỀU 12

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 12.1.** Tất cả các thông báo và thư từ giao dịch khác giữa hai Bên theo Hợp đồng này đều phải được làm bằng văn bản và **sử dụng ngôn ngữ bằng tiếng Việt**. Các thông báo và tài liệu này có thể được giao tận tay hoặc gửi bằng điện tín, fax, thư thường hoặc thư đảm bảo tới các Bên liên quan theo các địa chỉ, các số điện tín hoặc số fax đã được quy định trong (các) Phụ lục B (hoặc các địa chỉ, số điện tín hoặc số fax mà các Bên thông báo cho nhau tại từng thời điểm cụ thể). Các thông báo và tài liệu này được coi là đã nhận được:
 - vào ngày các thông báo và thư từ được giao hoặc bị từ chối nhận trong trường hợp giao tận tay.
 - vào thời điểm gửi điện tín và bên kia có thông báo lại là đã nhận được trong trường hợp gửi bằng điện tín.
 - vào thời điểm gửi fax với điều kiện bên nhận fax thông báo là đã nhận được bản fax trong tình trạng rõ ràng, trong trường hợp gửi bằng fax.

- 7 ngày sau khi gửi trong trường hợp gửi bằng thư thường.
- 14 ngày sau khi gửi trong trường hợp gửi bằng thư đảm bảo.

12.2. Quyền của các Bên theo Hợp đồng sẽ không bị ảnh hưởng hoặc bị hạn chế do có sự nhượng bộ từ phía bên kia, hoặc bởi sự trì hoãn việc thực hiện hay không thể thực hiện các quyền trong Hợp đồng. Việc một Bên được miễn trách một lần khi vi phạm Hợp đồng không có nghĩa là Bên đó sẽ được miễn trách trong các lần vi phạm tiếp theo.

12.3. Công ty cung ứng suất ăn sẽ được coi là một nhà thầu độc lập và sẽ không được coi là một đại lý, đối tác hay đại diện có thẩm quyền của Hãng hàng không.

ĐIỀU 13

LUẬT ĐIỀU CHỈNH

13.1. Cấu trúc, hiệu lực và việc thực hiện Hợp đồng này về mọi phương diện sẽ được điều chỉnh bởi luật được quy định trong (các) phụ lục B.

Ký ngày tháng năm
tại Hà Nội, Việt Nam
bởi người đại diện và được uỷ quyền của
Hãng hàng không

Ký ngày tháng năm
tại Hà Nội, Việt Nam
bởi người đại diện và được uỷ quyền của
Công ty cung ứng suất ăn

TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC

PHỤ LỤC A

Bản số 1

Phụ lục A_Phần 1, Bản số 1_2025 này là một bộ phận không tách rời của
Hợp đồng cung ứng suất ăn có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 20...

giữa:

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP

có trụ sở chính tại: Số 200, Phố Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Hà Nội, Việt Nam
sau đây gọi là "**Hãng hàng không**"

và:

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI

có trụ sở chính tại: Sân bay Quốc tế Nội Bài, Hà Nội, Việt Nam
sau đây gọi là "**Công ty cung ứng suất ăn**"

Phụ lục A_ Phần 1, Bản số 1_2025 này có hiệu lực thực hiện từ 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Hãng hàng không và Công ty cung ứng suất ăn nhất trí ký phụ lục này để thỏa thuận thực đơn/giá suất ăn, đồ uống/đồ cấp rời cho các chuyến bay của Hãng hàng không như trong các phụ kiện đính kèm sau đây:

1. Phụ lục A_ Phần 1, Bản số 1_2025 này có giá trị thay thế Phụ lục ...
2. Phụ lục này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau. Hãng hàng không giữ 02 bản, Công ty cung ứng suất ăn giữ 02 bản.

Ký ngày ... tháng ... năm 2025
tại Hà Nội, Việt Nam
bởi người đại diện và được uỷ quyền của
Hãng hàng không

Ký ngày ... tháng... năm 2025
tại Hà Nội, Việt Nam
bởi người đại diện và được uỷ quyền của
Công ty Cung ứng suất ăn

Nguyễn Văn Dũng
Tổng giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI**

Số: 01/TTr-NCS-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn đối tác kiểm toán báo cáo tài chính giai đoạn 2025 - 2027



Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài (NCS);

Căn cứ Quyết định số 2730/QĐ-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ Tài chính về danh sách các công ty kiểm toán, kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2025;

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông đề xuất danh sách các công ty kiểm toán được xem xét để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính giai đoạn 2025 – 2027 của Công ty cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài như sau:

1. Về tiêu chí lựa chọn công ty kiểm toán độc lập:

- + Là công ty kiểm toán được Ủy ban chứng khoán nhà nước – Bộ Tài chính chấp nhận kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của các doanh nghiệp có lợi ích công chúng;
- + Có kinh nghiệm kiểm toán cho doanh nghiệp lớn có nhiều chi nhánh, hoạt động trong nhiều lĩnh vực SXKD và/hoặc hoạt động trong lĩnh vực hàng hóa, dịch vụ phục vụ các hãng hàng không;
- + Có uy tín về chất lượng kiểm toán
- + Đáp ứng yêu cầu của Công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
- + Có mức giá phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng kiểm toán và ngân sách của Công ty.

2. Danh sách các Công ty kiểm toán độc lập:

Trên cơ sở các tiêu chí lựa chọn nêu trên, Ban Kiểm soát xin đề xuất các công ty kiểm toán độc lập sau đây vào danh sách để xem xét lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính giai đoạn 2025 – 2027 của Công ty (danh sách sắp xếp theo thứ tự ABC):

- + Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC;
- + Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C;
- + Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM;
- + Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam;
- + Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY;

3. Kinh phí dự kiến

Căn cứ Điều 4 Thông tư 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 về việc quy định ngôn ngữ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán thực hiện đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh đối với Tổ chức niêm yết và công ty đại chúng có quy mô lớn.

Do đó, từ ngày 01/01/2025, toàn bộ báo cáo tài chính Quý, bán niên, năm phải được công bố thông tin bằng Tiếng Anh. Để đảm bảo đáp ứng yêu cầu cao về các thuật ngữ chuyên ngành và tính pháp lý nên BCTC bằng tiếng anh sẽ do đơn vị kiểm toán độc lập đồng thời thực hiện.

Chi phí dự kiến thực hiện: 210.000.000 đồng/năm (chưa bao gồm thuế VAT theo quy định hiện hành)

4. Kiến nghị

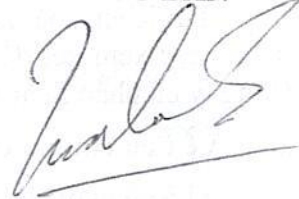
Ban Kiểm soát kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua danh sách các công ty kiểm toán nêu tại Mục 2 và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định việc lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty theo các quy định pháp luật và các quy định của Công ty.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS
- Lưu VT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Lê Hoàng Chính